suí chù

随处

adverb · everywhere, anywhere

Example Sentences

Zhè zhǒng huā zài zhè gè gōng yuán suí chù kě yǐ jiàn dào
这 种 花 在 这 个 公 园 随 处 可 以 见 到 。

This kind of flower can be seen everywhere in this park.

Qǐng bù yào suí chù luàn rēng lā jī
请 不 要 随 处 乱 扔 垃 圾 。

Please do not litter anywhere.

Trace each character, then write the word on your own.

随 随 随 随 随 随 随 随 随 随 随

随 随 随

处 处 处 处 处 处 处 处